

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
DỰ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC TRUNG HỌC CƠ SỞ**

**TÀI LIỆU
ĐỔI MỚI ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
HỌC TẬP MÔN ĐỊA THCS**

Hà Nội, năm 2011

Kiểm tra, đánh giá trong dạy học nói chung và dạy học Địa lí nói riêng có vai trò hết sức quan trọng, bởi thông qua việc kiểm tra, đánh giá chúng ta có được thông tin về trình độ, khả năng, về kết quả học tập của từng học sinh (HS) so với mục tiêu dạy học đã được xác định. Gần đây, mục tiêu dạy học địa lí đã có sự thay đổi theo hướng chú ý tới năng lực xử lí thông tin, năng lực hoạt động của HS bên cạnh những yêu cầu về kiến thức địa lí và thái độ, tình cảm HS cần đạt được khi các em kết thúc cấp học Trung học cơ sở (THCS), do đó cũng cần có sự thay đổi trong việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS. Việc đổi mới kiểm tra, đánh giá còn nhằm đảm bảo yêu cầu khách quan, công bằng trong đánh giá kết quả học tập (KQHT) của HS.

Tài liệu này nhằm giúp cho giáo viên (GV) có được một số hiểu biết về sự thay đổi trong kiểm tra, đánh giá của môn Địa lí ở cấp THCS phù hợp với sự thay đổi của chương trình (CT) môn học cũng như những yêu cầu đổi mới đánh giá kết quả học tập (ĐGKQHT) của HS. Đồng thời, đưa ra một số gợi ý về các loại câu hỏi, bài tập gắn với mục tiêu dạy học, với chuẩn kiến thức, kĩ năng của bộ môn nói chung và của các bài trong SGK Địa lí nói riêng, về cách ra đề kiểm tra trong quá trình dạy học Địa lí ở THCS thông qua một số đề kiểm tra.

Căn cứ để biên soạn đề kiểm tra môn Địa lí trước hết là mục tiêu giáo dục của bộ môn được cụ thể hóa cho từng lớp, từng chương, từng bài. Dưới đây sẽ trình bày mục tiêu chung của môn Địa lí ở cấp THCS và mục tiêu cụ thể ở từng lớp của cấp học này.

I. MỤC TIÊU GIÁO DỤC MÔN ĐỊA LÍ CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

1. Mục tiêu chung

Địa lí là một trong những môn văn hoá của nhà trường phổ thông nhằm cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản, hệ thống về Trái Đất - môi trường sống của con người; về thiên nhiên, con người và các hoạt động của con người trên phạm vi quốc gia, khu vực và thế giới; rèn luyện cho học sinh những kĩ năng chung cũng như những kĩ năng của bộ môn; bước đầu hình thành thế giới quan khoa học, tư tưởng tình cảm đúng đắn và hành vi ứng xử phù hợp với môi trường tự nhiên, xã hội và với yêu cầu của đất nước, với xu thế của thời đại.

Mục tiêu giáo dục của môn Địa lí nêu trên được cụ thể hoá trong các mặt giáo dục mà HS học xong môn Địa lí ở THCS cần đạt được như sau :

a) Về kiến thức

Biết được :

– Trái Đất, các thành phần tự nhiên của Trái Đất và tác động qua lại giữa chúng ; dân cư trên Trái Đất.

– Đặc điểm tự nhiên của các môi trường địa lí; mối quan hệ giữa dân cư, hoạt động sản xuất và môi trường ; sự cần thiết phải khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường nhằm phát triển bền vững.

– Đặc điểm nổi bật về tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội của các châu và các khu vực khác nhau trên thế giới.

– Đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế - xã hội của Việt Nam ; những vấn đề đặt ra đối với cả nước nói chung và các vùng, các địa phương nói riêng.

b) Về kĩ năng

Có kĩ năng :

– Học tập và nghiên cứu địa lí : quan sát, nhận xét, phân tích, so sánh, đánh giá các sự vật, hiện tượng địa lí ; phân tích, sử dụng bản đồ, Atlas ; vẽ và phân tích biểu đồ, đồ thị, lát cắt ; phân tích số liệu thống kê.

– Thu thập, tổng hợp, xử lý và trình bày các thông tin địa lý.

– Vận dụng kiến thức địa lý để giải thích các hiện tượng, sự vật địa lý và bước đầu tham gia giải quyết một số vấn đề của cuộc sống phù hợp với khả năng của học sinh.

c) Về thái độ, tình cảm

Học sinh cần có :

– Tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước thông qua việc ứng xử thích hợp với tự nhiên và tôn trọng các thành quả kinh tế - văn hoá của nhân dân Việt Nam cũng như của nhân loại.

– Niềm tin vào khoa học, ham học hỏi, hứng thú, say mê tìm hiểu các sự vật, hiện tượng địa lý.

– Ý chí tự cường dân tộc, niềm tin vào tương lai của đất nước, có tâm thế sẵn sàng tham gia xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước ; có ý thức trách nhiệm và tham gia tích cực vào các hoạt động sử dụng hợp lý, bảo vệ, cải tạo môi trường ; nâng cao chất lượng cuộc sống của gia đình, cộng đồng.

2. mục tiêu giáo dục môn địa lý ở các lớp

2. 1. Lớp 6

Học xong chương trình Địa lí lớp 6, HS cần đạt được:

a) Về kiến thức

Trình bày được:

– Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời ; hình dạng và kích thước của Trái Đất; các chuyển động của Trái Đất và hệ quả của các chuyển động; cấu tạo của Trái Đất

– Khái niệm về bản đồ và một số yếu tố cơ bản của bản đồ: tỉ lệ bản đồ, kí hiệu bản đồ, lưới kinh vĩ tuyến.

– Các thành phần tự nhiên của Trái Đất và mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên: Địa hình, lớp vỏ khí, lớp nước, lớp đất và lớp vỏ sinh vật.

b) Về kĩ năng

Bước đầu có được các kĩ năng:

– Đọc và sử dụng bản đồ, sử dụng mô hình: xác định kinh, vĩ tuyến, tọa độ địa lí của một điểm; xác định phương hướng, đo tính khoảng cách trên thực tế, trình bày đặc điểm và sự phân bố của một số đối tượng địa lí.

– Quan sát, nhận xét và mô tả một số hiện tượng, sự vật địa lí qua tranh ảnh, hình vẽ.

– Đọc biểu đồ đơn giản: biểu đồ hình tròn; biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.

– Tính toán: tính nhiệt độ trung bình, lượng mưa.

c) Về thái độ

Có thái độ ham học hỏi, hứng thú, say mê tìm hiểu các sự vật, hiện tượng địa lí.

2.2. Lớp 7

Học xong chương trình Địa lí lớp 7, HS cần đạt được:

a) Về kiến thức

– Trình bày được một số đặc điểm của dân cư, các chủng tộc và các hình thức quần cư; giải thích (ở mức độ đơn giản) sự phân bố dân cư không đều trên Trái Đất.

– Trình bày và giải thích được (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm tự nhiên và hoạt động kinh tế của con người ở các môi trường địa lí; mối quan hệ giữa dân cư, hoạt động sản xuất và môi trường.

– Trình bày và giải thích được (ở mức độ đơn giản) về đặc điểm tự nhiên, dân cư và kinh tế của các khu vực, các châu lục trên thế giới.

b) Về kĩ năng

– Đọc và phân tích biểu đồ, bảng số liệu về dân số, kinh tế.

– Sử dụng tương đối thành thạo bản đồ, lược đồ để trình bày về sự phân bố dân cư trên Trái Đất, các môi trường địa lí; đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế của các châu lục, các khu vực.

- Phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa, lát cắt địa hình của một số châu lục.
- Quan sát tranh ảnh và nhận xét về các kiểu quần cư, các cảnh quan, các hoạt động kinh tế ở các môi trường địa lí, một số ngành sản xuất ở các châu lục.
- Lập sơ đồ về mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên, giữa tự nhiên và hoạt động kinh tế của con người.
- Viết báo cáo ngắn dựa vào tư liệu đã cho

c) Về thái độ

- Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.
- Tôn trọng các giá trị kinh tế, văn hoá của nhân dân lao động trong và ngoài nước.
- Sẵn sàng bày tỏ tình cảm trước các sự kiện xảy ra ở các châu lục và thế giới.

2.3. Lớp 8

Học xong chương trình Địa lí lớp 8, HS cần đạt được:

a) Về kiến thức

- Trình bày và giải thích được đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội và kinh tế của châu á nói chung cũng như của một số khu vực ở châu á. Trình bày được về Hiệp hội các nước Đông Nam á (ASEAN)
- Trình bày được vị trí địa lí, giới hạn, phạm vi lãnh thổ nước ta; nêu được ý nghĩa của vị trí địa lí nước ta về mặt tự nhiên, kinh tế - xã hội. Trình bày và giải thích được đặc điểm của các thành phần tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và các đặc điểm chung nổi bật của tự nhiên Việt Nam.
- Trình bày được vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của các miền địa lí tự nhiên; nêu và giải thích được một số đặc điểm nổi bật về địa lí tự nhiên của từng miền.
- Nêu được những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đối với đời sống và phát triển kinh tế - xã hội; vấn đề khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường ở nước ta nói chung và của từng miền nói riêng.

b) Về kĩ năng

– Đọc và sử dụng bản đồ để xác định vị trí, giới hạn, phạm vi lãnh thổ của châu á và của Việt Nam ; trình bày về tự nhiên, phân bố dân cư, kinh tế và các khu vực của châu á, về một số đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam, của các thành phần tự nhiên và của các miền địa lí tự nhiên ở nước ta.

– Sử dụng bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, tranh ảnh để nhận xét các mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên, giữa môi trường tự nhiên với hoạt động sản xuất của con người.

– Quan sát tranh ảnh và nhận xét về các cảnh quan tự nhiên, một số hoạt động kinh tế ở châu á.

– Vẽ, phân tích biểu đồ : nhiệt độ, lượng mưa của một số địa điểm ở châu á và ở Việt Nam ; dân số và kinh tế của một số quốc gia, khu vực thuộc châu á.

– Phân tích các bảng số liệu, bảng thống kê về dân số, kinh tế của châu á, về các thành phần tự nhiên của Việt Nam.

– Đọc, phân tích lát cắt địa hình Việt Nam, lát cắt tự nhiên tổng hợp.

– Biết quan sát, mô tả, tìm hiểu một sự vật hay một hiện tượng địa lí ở địa phương.

– Viết báo cáo và trình bày về sự vật hay hiện tượng địa lí ở địa phương.

c) Về thái độ

– Có ý thức tôn trọng môi trường tự nhiên và thành quả kinh tế, văn hoá của các nước trong khu vực, ở Châu á và trên thế giới.

– Có tình yêu đối với môi trường tự nhiên của quê hương, đất nước ; tích cực tham gia vào các hoạt động bảo vệ, cải tạo môi trường tự nhiên ở quê hương.

2.4. Lớp 9

Học xong chương trình Địa lí lớp 9, HS cần đạt được:

a) Về kiến thức

– Trình bày được một số đặc điểm về dân tộc và sự phân bố các dân tộc ở nước ta. Trình bày được một số đặc điểm của dân cư nước ta: dân số, tình hình

phân bố dân cư, đặc điểm về nguồn lao động, hiện trạng chất lượng cuộc sống ở Việt Nam.

– Trình bày sơ lược về quá trình phát triển của nền kinh tế và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta.

– Phân tích được các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của các ngành kinh tế: nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp và dịch vụ. Trình bày được tình hình phát triển và sự phân bố của các ngành sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp và ngành dịch vụ

– Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của các vùng. Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên; đặc điểm dân cư, xã hội và những thuận lợi, khó khăn của các đặc điểm đó đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của các vùng

– Trình bày được đặc điểm phát triển kinh tế, một số ngành kinh tế chủ yếu và các trung tâm kinh tế lớn của các vùng. Nêu được vị trí, giới hạn và vai trò của các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta.

– Nêu được các đảo và quần đảo lớn ở nước ta; phân tích được ý nghĩa kinh tế của biển, đảo đối với việc phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng.

– Trình bày được tài nguyên và môi trường biển, đảo; các hoạt động khai thác tài nguyên biển, đảo và phát triển tổng hợp kinh tế biển; một số biện pháp bảo vệ tài nguyên biển, đảo ở nước ta.

– Trình bày và giải thích được những đặc điểm kinh tế của địa phương.

b) Về kĩ năng

– Đọc, sử dụng và phân tích bản đồ :

+ Xác định vị trí, giới hạn của các vùng, phạm vi vùng biển Việt Nam, vị trí một số đảo và quần đảo lớn, vị trí địa lí của tỉnh /thành phố.

+ Trình bày và giải thích sự phân bố dân cư, sự phân bố của các ngành sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp và ngành dịch vụ.

+ Trình bày về đặc điểm tự nhiên, dân cư, tình hình phát triển và phân bố một số ngành sản xuất của các vùng.

– Phân tích biểu đồ, bảng số liệu, bảng thống kê về dân số, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế; cơ cấu, tình hình phát triển và phân bố của các ngành kinh tế ở nước ta; đặc điểm tự nhiên, dân cư và tình hình phát triển kinh tế của các vùng, của tỉnh /thành phố.

– Xử lý số liệu, vẽ biểu đồ các dạng khác nhau về cơ cấu và các ngành kinh tế.

– Xây dựng các sơ đồ thể hiện và phân tích mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên, giữa tự nhiên và kinh tế, dân cư – xã hội và kinh tế.

– Suy tầm và phân tích tài liệu Địa lí.

– Viết và trình bày các báo cáo ngắn.

c) Về thái độ

– Có tình yêu quê hương, đất nước; tham gia tích cực vào các hoạt động bảo vệ môi trường tự nhiên, văn hoá nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống trong cộng đồng.

– Có ý thức công dân và sự định hướng nghề nghiệp phục vụ Tổ quốc sau này.

– Có ý thức tìm hiểu, giải thích một cách khoa học các hiện tượng địa lí xảy ra ở địa phương.

II. MỘT SỐ NÉT VỀ THỰC TRẠNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN ĐỊA LÍ Ở TRƯỜNG THCS

Việc kiểm tra, đánh giá (KTĐG) kết quả học tập (KQHT) của giáo viên (GV) môn Địa lí trong những năm gần đây đã chú ý tăng cường kiểm tra kỹ năng địa lí bên cạnh kiểm tra kiến thức địa lí của HS, hình thức KT cũng đa dạng hơn. Tuy nhiên trong KT, ĐG vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục, cụ thể như sau.

– Việc đánh giá còn mang nặng tính chủ quan, chưa dựa trên chuẩn kiến thức- kỹ năng, nên các câu hỏi của đề KT đôi khi quá dễ hoặc quá khó, vượt quá yêu cầu của chuẩn kiến thức - kỹ năng và chưa bao quát được hết các mức độ nhận thức (biết, hiểu, vận dụng) cần đánh giá.

– Một bộ phận GV còn chưa nắm vững yêu cầu đổi mới KTĐG, chưa quan tâm đến quy trình soạn đề KT và chưa thấy hết vai trò của KT, ĐG trong quá trình dạy học, nên khi soạn đề KT còn qua loa, dựa trên kinh nghiệm là chính, vì vậy các bài kiểm tra còn mang tính chủ quan của người dạy. GV ra đề KT với mong muốn để chấm dễ, chấm nhanh, do đó kết quả đánh giá còn chưa thật khách quan, chưa ĐG được chính xác mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng của HS so với mục tiêu (MT) của môn học đã được xác định.

– KT, ĐG phần lớn tập trung vào việc GV đánh giá HS, ít tạo điều kiện cho HS tự đánh giá mình và đánh giá lẫn nhau. Phần lớn lời phê của GV còn chung chung, ít chỉ ra những lỗi của HS để giúp các em điều chỉnh lại kiến thức, kỹ năng cho đúng.

– Những năm gần đây, xu thế áp dụng hình thức trắc nghiệm khách quan (TNKQ) để kiểm tra KQHT của HS khá phổ biến trong các trường học. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đã bộc lộ nhiều bất cập, các câu hỏi TNKQ chưa đạt yêu cầu, còn đơn điệu (thiên về câu hỏi đúng - sai) hoặc lạm dụng hình thức trắc nghiệm làm giảm hiệu quả KT, ĐG.

– Tình trạng thiếu khách quan trong KT, ĐG, bệnh thành tích (nâng tỉ lệ HS khá, giỏi, lên lớp...) vẫn còn khá phổ biến. Kết quả thực hiện cuộc vận động “Hai không” và phong trào "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực" của Bộ GDĐT một phần quan trọng phụ thuộc vào việc bảo đảm khách quan, chính xác, công bằng trong KT, ĐG, thi cử.

III. ĐỊNH HƯỚNG ĐỔI MỚI KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN ĐỊA LÍ CỦA HỌC SINH THCS

1. Về mục đích kiểm tra, đánh giá

KT, ĐG là khâu cuối của quá trình dạy học nhằm:

– Làm sáng tỏ mức độ đạt được của HS về kiến thức, kỹ năng và thái độ so với mục tiêu dạy học đã đề ra, công khai hoá các nhận định về kết quả học tập của mỗi HS, của tập thể lớp, giúp HS nhận ra sự tiến bộ cũng như những tồn tại của cá nhân HS, khuyến khích, thúc đẩy việc học tập của các em.

– Giúp cho cán bộ quản lý giáo dục ở các cấp biết được KQHT mà HS đã đạt được so với mục tiêu môn học để họ có thể điều chỉnh hoạt động chuyên môn cũng như có các hỗ trợ khác nhằm đạt được đến mục tiêu dạy học xác định. Các kết quả này còn giúp cho việc phát hiện những điểm mạnh, điểm yếu của chương trình, sách giáo khoa, khi cần thiết có thể kiến nghị các tác giả điều chỉnh lại.

– Cung cấp những thông tin cho các đối tượng khác như các nhà thiết kế chương trình khi cần xác định chuẩn (chương trình chi tiết); các cán bộ chỉ đạo khi hướng dẫn thực hiện chương trình ở các vùng miền khác nhau hoặc giúp phụ huynh học sinh khi họ lựa chọn cách giáo dục, chọn hướng nghề nghiệp cho con em họ.

2. Về yêu cầu đổi mới kiểm tra, đánh giá

Cùng với sự đổi mới CT, SGK, việc đổi mới KT, ĐG cần đáp ứng các yêu cầu sau:

– Kết quả KTĐG phải phản ánh được việc thực hiện mục tiêu giáo dục : Đây là yêu cầu cơ bản nhất và quan trọng nhất của việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS. Mục tiêu giáo dục môn Địa lí đã được xác định trong chương trình (CT) Địa lí phổ thông và thể hiện cụ thể ở chuẩn kiến thức, kĩ năng. Kết quả kiểm tra phải trả lời được câu hỏi “học sinh đã đạt được các quy định của chuẩn kiến thức, kĩ năng bộ môn đến đâu?” và phải tạo điều kiện để phân loại HS: giỏi, khá, trung bình, kém.

– Đảm bảo kiểm tra được các kiến thức, kĩ năng cơ bản trong chương trình mà HS đã được học, tránh kiểm tra những kiến thức, kĩ năng nằm ngoài chương trình Địa lí THCS.

– Đề kiểm tra và đáp án phải đảm bảo tính chính xác, khoa học,

– Nội dung kiểm tra phù hợp với thời gian kiểm tra

– Đảm bảo tính công khai trong đánh giá.

3. Về nội dung kiểm tra, đánh giá

Để kết quả kiểm tra phản ánh được mức độ đạt được mục tiêu dạy học bộ môn, nội dung KT cần phối hợp chặt chẽ, hữu cơ giữa kiểm tra kiến thức địa lí với kĩ năng chung và kĩ năng đặc trưng của địa lí.

– *Về mặt kiến thức*: kết quả học tập địa lí của HS cấp THCS chủ yếu được đánh giá theo 3 mức độ :

* Mức độ nhận biết (ghi nhớ, tái hiện) như: ghi nhớ các dấu hiệu đặc trưng của các khái niệm địa lí, ghi nhớ một số địa danh, số liệu...

* Mức độ hiểu: giải thích, chứng minh, phân tích được các mối quan hệ địa lí, các sự vật, hiện tượng địa lí.

* Mức độ vận dụng: Vận dụng các kiến thức đã học vào các tình huống mới hoặc để giải thích một số vấn đề thường gặp trong thực tiễn (những vấn đề đơn giản) có liên quan đến kiến thức đã học.

– *Về mặt kĩ năng* : đánh giá việc sử dụng bản đồ, lược đồ, các bảng số liệu, tranh ảnh để khai thác, trình bày kiến thức địa lí; phân tích các mối quan hệ nhân quả để giải thích các hiện tượng, sự vật địa lí.

4. Về phương pháp đánh giá

Hai phương pháp thường được sử dụng là kiểm tra bằng trắc nghiệm và quan sát hoạt động học tập của HS

– Quan sát việc học địa lí của học sinh: là cách thu thập thông tin về tình hình, khả năng và trình độ học tập môn Địa lí của từng học sinh qua hoạt động quan sát.

– Trắc nghiệm: Trắc nghiệm trong phạm vi dạy học được coi là công cụ dùng để đánh giá mức độ đạt được về kiến thức, kĩ năng của học sinh so với mục tiêu của môn học. Tùy theo dạng thức của trắc nghiệm, người ta chia ra 2 loại : trắc nghiệm khách quan và trắc nghiệm tự luận.

5. Về quy trình đánh giá

Hoạt động đánh giá được tiến hành theo các bước sau:

(1) *Xác định mục đích, yêu cầu đánh giá*: đánh giá để xác định trình độ học sinh khi bước vào một giai đoạn học tập mới, đánh giá kết quả học tập của học sinh tại một thời điểm (sau một bài học, sau vài bài học,...) hoặc đánh giá tổng kết sự phát triển của học sinh sau cả học kì, cả năm học.

(2) *Xác định đối tượng, nội dung và hình thức đánh giá*: Đối tượng đánh giá là học sinh song nên chú ý đến trình độ, điều kiện cụ thể của học sinh. Nội dung đánh giá cần phản ánh được các yêu cầu của mục tiêu môn học.

(3) *Xây dựng bộ công cụ đánh giá*: Chủ yếu biên soạn các loại câu hỏi cho thích hợp với phương pháp đánh giá và soạn đáp án, biểu điểm.

(4) *Xử lý số liệu*: Phân tích các số liệu thu được qua các lần kiểm tra để có thể phân loại học sinh.

(5) *Kết luận* theo mục đích và yêu cầu đánh giá, đồng thời có những giải pháp cần thiết để nâng cao chất lượng học tập bộ môn của học sinh.

IV. YÊU CẦU, TIÊU CHÍ, QUY TRÌNH RA ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ

Đề kiểm tra học kì là loại đề kiểm tra định kì mang tính tổng kết, thực hiện vào thời điểm cuối mỗi học kì của năm học. Nhìn chung, những đề KT này được thiết kế với các câu hỏi bao gồm kiến thức, kĩ năng của nhiều bài trong học kì để đo kết quả học tập đạt được của HS đạt được so với mục tiêu học tập của cả một học kì. Do vai trò quan trọng của loại đề này, GV Địa lí cần chú ý đảm bảo các yêu cầu, quy trình đối với đề KT học kì như sau:

1. Yêu cầu của đề kiểm tra học kì

Đề kiểm tra học kì phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

- (1) Nội dung bao quát chương trình môn Địa lí của một học kì.
- (2) Bám sát chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình môn học ở cấp THCS
- (3) Đảm bảo tính chính xác, khoa học.
- (4) Phù hợp với thời gian kiểm tra.

Góp phần đánh giá khách quan trình độ học sinh.

2. Tiêu chí của đề kiểm tra học kì

Các tiêu chí đề kiểm tra học kì cần đạt là:

- (1) Nội dung không nằm ngoài chương trình môn học.
- (2) Nội dung rải ra trong chương trình của học kì.

(3) Có nhiều câu hỏi trong một đề. Tỷ lệ điểm dành cho câu trắc nghiệm khách quan từ 2 đến 3 điểm và câu hỏi tự luận từ 7 đến 8 điểm.

(4) Các câu hỏi KT phải phản ánh các mức độ nhận thức của HS. Tỷ lệ điểm dành cho các mức độ nhận thức của môn Địa lí nên là : nhận biết 20%; thông hiểu 50%; vận dụng 30%.

(5) Các câu hỏi của đề cần được diễn đạt rõ, đơn nghĩa, nêu đúng và đủ yêu cầu của đề.

(6) Mỗi câu hỏi phải phù hợp với thời gian dự kiến trả lời và với số điểm dành cho nó.

3. Quy trình ra đề kiểm tra học kì

(1) Xác định mục tiêu, mức độ, nội dung và hình thức kiểm tra

Trước khi ra đề kiểm tra, cần đối chiếu với các mục tiêu dạy học để xác định mục tiêu, mức độ, nội dung và hình thức kiểm tra nhằm đánh giá khách quan trình độ học sinh, đồng thời thu thập các thông tin phản hồi để điều chỉnh quá trình dạy học và quản lí giáo dục.

(2) Thiết lập bảng hai chiều

a) Lập một bảng có 2 chiều; trong đó, một chiều thể hiện nội dung, một chiều thể hiện các mức độ nhận thức cần kiểm tra.

b) Viết các chuẩn cần kiểm tra ứng với mỗi mức độ nhận thức, mỗi nội dung tương ứng trong từng ô của bảng.

Nội dung	Biết		Hiểu		Vận dụng/ Kĩ năng		Tổng điểm
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
ND 1							
ND 2							
ND 3							
.....							
Tổng điểm							10

c) Xác định số điểm cho từng nội dung kiến thức và từng mức độ nhận thức cần kiểm tra.

– Xác định số điểm cho từng nội dung căn cứ vào tổng số tiết quy định trong phân phối chương trình và mức độ quan trọng của nội dung đó.

– Xác định số điểm cho từng mức độ nhận thức để đảm bảo cho phân phối điểm ở các lớp thuộc cấp THCS theo tỉ lệ : mức độ ghi nhớ khoảng 20- 30 % tổng số điểm; mức độ hiểu khoảng 40- 60 % và khoảng 20- 30% dành cho kỹ năng.

d) Xác định số lượng, hình thức và điểm cho các câu hỏi trong mỗi mục của bảng hai chiều.

– Xác định số câu hỏi cho từng phần, từng ô của bảng hai chiều;

– Xác định hình thức câu hỏi TNKQ hay tự luận.

Nhìn chung, càng nhiều câu hỏi ở mỗi nội dung, mỗi mức độ nhận thức thì kết quả đánh giá càng có độ tin cậy cao; hình thức câu hỏi đa dạng sẽ tránh được sự nhàm chán đồng thời tạo hứng thú, kích lệ học sinh tập trung làm bài.

Cần lưu ý các câu trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn có số điểm như nhau, không phụ thuộc vào mức độ khó, dễ của từng câu hỏi.

(3) Thiết kế câu hỏi theo bảng hai chiều

Căn cứ vào bảng hai chiều, giáo viên thiết kế câu hỏi cho đề kiểm tra. Cần xác định từ nội dung, hình thức, lĩnh vực kiến thức và mức độ nhận thức cần đo qua từng câu hỏi và toàn bộ câu hỏi trong đề kiểm tra. Các câu hỏi phải được biên soạn sao cho đánh giá được chính xác mức độ đáp ứng chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ được quy định trong chương trình môn học.

(4) Xây dựng đáp án và hướng dẫn chấm

Việc xây dựng đáp án và hướng dẫn chấm được thực hiện trên cơ sở bám sát bảng hai chiều. Điểm toàn bài kiểm tra học kì tính theo thang điểm 10, làm tròn số đến 0,5 điểm.

V. MỘT SỐ LƯU Ý ĐỐI VỚI CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN VÀ CHẤT LƯỢNG CÂU HỎI

1. Các loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan

Trong việc ra đề kiểm tra Địa lí cần sử dụng các câu hỏi tự luận kết hợp câu hỏi trắc nghiệm khách quan và có thể áp dụng cả 5 loại câu hỏi trắc nghiệm khách quan sau đây:

(1) *Trắc nghiệm đúng, sai*: Loại này chỉ gồm hai lựa chọn (đúng hoặc sai) và là loại trắc nghiệm rất đơn giản, dễ sử dụng. Tuy nhiên loại này thường khó phản ánh thực kết quả học tập của học sinh vì sự trả lời ngẫu nhiên của học sinh cũng có thể đúng. Đối với câu hỏi loại này cần chú ý những điểm sau:

* Sử dụng những nhận định đúng hay sai chứ không nêu mức độ, chất lượng;

* Các nhận định cần thật ngắn, gọn.

* Tránh những trích dẫn trực tiếp từ SGK. Khi tách chúng ra khỏi ngữ cảnh của chúng, những trích dẫn này có thể vẫn còn đúng trong chừng mực nào đó nhưng không còn đúng hoàn toàn nữa;

* Nên chắc chắn là câu hỏi được viết sẽ có thể phân loại một cách chính xác là đúng hay sai;

* Đề phòng những từ khẳng định như “tất cả”, “bao giờ cũng”, “không bao giờ”, “thường xuyên”, “đôi khi”,...

* Đề phòng những thuật ngữ mơ hồ về mức độ hay số lượng như “thông thường”, “phần lớn”, “trong hầu hết các trường hợp”,...

* Đề phòng các nhận định mang tính phủ định, đặc biệt các câu phủ định kép;

* Đề phòng những câu hỏi chứa nhận định có nhiều hơn một ý, đặc biệt nếu một ý là đúng và các ý khác là sai;

* Đề phòng trường hợp mà câu trả lời đúng lại tùy thuộc vào một chữ, một từ hay một câu tầm thường, vô nghĩa.

(2) *Trắc nghiệm nhiều lựa chọn*: Loại trắc nghiệm này có hai phần:

* **Phần mở đầu**: Nêu vấn đề và cách thực hiện;

* **Phần thông tin**: Nêu các câu trả lời để giải quyết vấn đề, trong các câu trả lời này chỉ có một câu trả lời đúng còn các câu trả lời khác đều sai và thường là những sai lầm học sinh hay mắc phải.

Các điều cần chú ý đối với loại câu hỏi này là:

* Dùng một câu hỏi hay một câu nhận định không đầy đủ làm câu dẫn, chọn loại câu sao cho trong tình huống này là sáng sủa và trực tiếp hơn;

* Nói chung tránh các câu dẫn mang tính phủ định. Tuy nhiên, nếu câu dẫn phủ định có vẻ tốt hơn thì phải chú ý gạch dưới hoặc in nghiêng chữ “không”;

* Phải đảm bảo sao cho câu trả lời đúng là câu rõ ràng nhất;

* Phải đảm bảo câu dẫn và câu trả lời khi gắn với nhau là hợp cách và hợp ngữ pháp;

* Phải giữ cho câu trả lời của một câu hỏi đã nêu là theo cùng một hình thức hành văn;

* Soạn càng nhiều câu nhiễu có vẻ hợp lý và có sức thu hút người làm bài thì càng tốt. Cách tốt nhất để làm điều đó là tạo các câu nhiễu dựa trên những khái niệm chung hay những khái niệm sai. Một câu nhiễu mà không một thí sinh nào chọn phải thì không có tác dụng;

* Tránh các câu nhiễu ở trình độ cao hơn so với câu trả lời đúng;

* Không nên dùng loại câu trả lời “Không một câu nào đúng cả”, “Tất cả các câu đều đúng” hoặc “em không biết” trong các câu để lựa chọn;

* Sắp xếp các câu trả lời theo thứ tự ngẫu nhiên, tránh để theo thứ tự giống nhau hoặc theo một kiểu mà học sinh dễ nhận ra;

* Không nên đưa quá nhiều ý vào một câu hỏi, nên tập trung vào một ý cho mỗi câu hỏi;

* Giữ cho tất cả các câu trả lời của một câu hỏi có cùng một văn phong và rất ngắn. Câu dẫn chứ không phải câu trả lời cần chứa đựng lượng thông tin;

- * Đừng nhồi nhét quá nhiều tư liệu không thích hợp vào trong câu dẫn;
- * Đề phòng tạo nên những đầu mối không thích đáng về mặt văn phạm.

(3) *Trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi*: Cho sẵn hai nhóm đối tượng sắp xếp tách rời nhau. Học sinh phải nối đối tượng của nhóm thứ nhất với một đối tượng thích hợp của nhóm thứ hai để đạt yêu cầu đã đề ra trong bài tập.

Loại câu này cần phải đảm bảo những yêu cầu sau:

- * Đảm bảo cho từng nhóm có đối tượng đồng nhất; ví dụ, nếu một nhóm gồm các sản phẩm chính và một nhóm gồm tên các vùng hay khu vực để ghép đôi với nhau, thì không nên đưa vào một hai mục về dân số;

- * Nên giữ các danh mục tương đối ngắn. Điều này giúp giữ cho chúng đồng nhất

- * Sắp xếp danh mục một cách sáng sủa nhất;
- * Giải thích một cách sáng sủa cơ sở để ghép đôi;

- * Tránh tạo nên việc ghép đôi theo kiểu một- một. Điều này có thể dễ dàng thực hiện bằng cách sử dụng một câu trả lời phù hợp với nhiều hơn một câu đầu mối và cũng bằng cách dùng câu trả lời không phù hợp với một câu đầu mối nào cả.

(4) *Trắc nghiệm điền khuyết*: Học sinh điền vào chỗ trống theo yêu cầu của bài tập.

Loại bài tập này cần chú ý một số điểm sau:

- * Sử dụng loại bài tập này khi rõ ràng chỉ có duy nhất một câu trả lời đúng;

- * Trong điều kiện thích hợp, nên nói rõ những số liệu, hình vẽ có ý nghĩa hay phần số lẻ cần thiết theo yêu cầu, nếu cần các đơn vị đo trong câu trả lời có con số thì cũng phải nói rõ;

- * Trong những câu hỏi buộc phải điền thêm vào các câu, không nên để quá nhiều khoảng trống làm các câu trở nên khó xử lý.

(5) *Trắc nghiệm câu trả lời ngắn*: Bài tập nêu câu hỏi, học sinh viết câu trả lời ngắn thích hợp.

2. Tiêu chí xem xét các loại câu hỏi

Sử dụng những câu hỏi dưới đây để xem xét mỗi câu hỏi đã soạn sẽ giúp GV tránh được sai sót khi ra đề kiểm tra. Nếu một hoặc một số câu hỏi có câu trả lời là “không”, GV cần xem xét lại chất lượng của câu hỏi đó.

2.1. Các tiêu chí xem xét chất lượng của câu hỏi có nhiều lựa chọn

(1) Câu hỏi có đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình (CT) môn học hay không?

(2) Câu hỏi có phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày, trọng tâm cần nhấn mạnh và số điểm hay không?

(3) Câu dẫn có đặt ra câu hỏi trực tiếp hay một vấn đề cụ thể hay không?

(4) Câu hỏi được biên soạn bằng ngôn ngữ và hình thức trình bày riêng hay chỉ đơn thuần trích dẫn những lời trong SGK?

(5) Từ ngữ và cấu trúc câu hỏi có rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh hay không?

(6) Mỗi phương án nhiễu (nên) có hợp lí đối với những học sinh không có kiến thức hay không?

(7) Nếu có thể, mỗi phương án sai có được xây dựng dựa trên các lỗi thông thường hay nhận thức sai lệch của học sinh hay không?

(8) Đáp án đúng của câu hỏi này có độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra hay không?

(9) Tất cả các phương án đưa ra có đồng nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn hay không?

(10) Có hạn chế đưa ra phương án “Tất cả các câu trên đều đúng” hoặc “Không có phương án nào đúng” hay không?

(11) Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất hay không?

2.2. Các tiêu chí xem xét chất lượng của câu hỏi tự luận

(1) Câu hỏi có đánh giá nội dung quan trọng của chương trình (chuẩn kiến thức, kỹ năng) hay không

(2) Câu hỏi có phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày, trọng tâm cần nhấn mạnh và số điểm hay không?

(3) Câu hỏi có yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới hay không?

(4) Xét trong mối quan hệ với câu hỏi khác của bài kiểm tra, câu hỏi tự luận có thể hiện nội dung và cấp độ tư duy đã nêu trong tiêu chí kiểm tra hay không?

(5) Nội dung câu hỏi có cụ thể hay không? Nó có đặt ra yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó hay chỉ đưa ra một yêu cầu chung chung mà bất cứ một câu trả lời nào cũng phù hợp?

(6) Yêu cầu của câu hỏi có phù hợp với trình độ và nhận thức của học sinh hay không?

(7) Để đạt được điểm cao, học sinh phải chứng minh quan điểm hơn là nhận biết về thực tế, khái niệm,...?

(8) Ngôn ngữ trong câu hỏi có chuyển tải được hết những yêu cầu của người ra đề đối với học sinh hay không?

(9) Câu hỏi có được diễn đạt theo cách giúp học sinh hiểu được:

i. Độ dài của câu trả lời?

ii. Mục đích của bài kiểm tra?

iii. Thời gian trả lời câu hỏi?

iv. Tiêu chí đánh giá/ chấm điểm bài kiểm tra?

(10) Nếu câu hỏi yêu cầu học sinh nêu quan điểm và chứng minh cho quan điểm của mình, câu hỏi đó có nêu rõ bài làm của học sinh sẽ được đánh giá dựa trên những lập luận logic mà học sinh đưa ra để chứng minh và bảo vệ quan điểm của mình chứ không chỉ đơn thuần là quan điểm mà chúng đưa ra?